

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 56 Công Ty CP Acecook Việt Nam/2022

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN ACECOOK VIỆT NAM**

Địa chỉ: **LÔ SỐ II-3, ĐƯỜNG SỐ 11, NHÓM CN II, KHU CÔNG NGHIỆP TÂN BÌNH, PHƯỜNG TÂY THẠNH, QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM.**

Điện thoại: **02838154064** Fax: **02838154067**

Email: **info@acecookvietnam.com**

Mã số doanh nghiệp: **0306008687**

Sản phẩm được sản xuất tại nhà máy của Acecook đã có giấy chứng nhận HACCP:

STT	Số giấy CN	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ nhà máy sản xuất
1	VN19/00250	15.10.2019	SGS Việt Nam	Địa chỉ: Lô số II-3, đường số 11, nhóm CN II, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. Kí hiệu nhà máy sản xuất: 5G.

Mã hồ sơ: BNM5612/09.22

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **NHỒ MẠI MẠI HƯƠNG VỊ MIẾN SƯỜN HEO**

2. Thành phần:

Vào miền: Tinh bột khoai tây, chất làm dày (1420), tinh bột đậu hà lan, tinh bột đậu xanh.

Các gia vị: Dầu cọ, muối, các gia vị (bánh, ngũ vị hương), đường, nước tương, cà chua, chất điều vị (621, 631, 627, 640), thịt heo 14,47 g/kg, cà rốt sấy, protein đậu nành, cải bẹ xanh sấy, bắp sấy, tinh bột khoai mì, phẩm màu caramen nhóm 1 tổng hợp, hương liệu tổng hợp, chất điều chỉnh độ acid (330), hương liệu tổng hợp (hương sườn heo sấy), chất chống đông vón (551), chất bảo quản (202).

Số tiêu chuẩn: **M02-22**

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

8 tháng kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng được in dưới đây:

Quy cách in ngày sản xuất và hạn sử dụng:

NSX: ngày tháng năm ký hiệu nhà máy sản xuất và thông tin khác tùy từng nhà máy.

HSD: ngày tháng năm

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì

Quy cách đóng gói:

Khối lượng tịnh 1 gói: **66 g +/- 4,5 g**

Số lượng gói/thùng carton: **12 gói/thùng.**

Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đựng trong túi giấy cấu trúc PE/giấy/PE (polyethylene), cấu trúc tiếp tế giấy couche/MPET/LLDPE, cấu trúc lớp trong của nắp tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm PE (polyethylene). Sau đó các túi thành phẩm được đóng vào thùng carton.

III. Mẫu nhãn sản phẩm:

Nội dung ghi nhãn phải hợp theo nghị định 43/2017/NĐ-CP và 111/2021/NĐ-CP về nhãn hàng hóa.

Nhãn đính kèm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

1. Giới hạn kim loại nặng: phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-2:2011/BYT
1	Cadmium (Cd)	mg/kg	0,1	Mức 2,18
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2	Mức 5,18

Mã hồ sơ: BNM5612/09.22

2. Giới hạn độc tố vi nấm: phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa	QCVN 8-1:2011/BYT
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0	Mức 1.8
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4,0	Mức 1.8
3	Ochratoxin A	µg/kg	3,0	Mức 2.2
4	Deoxynivalenol	µg/kg	750,0	Mức 4.4
5	Zearalenone	µg/kg	75,0	Mức 5.3

3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: phù hợp QĐ 46/2003/QĐ-BYT; Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm, mục 6.5.1 (có xử lý nhiệt trước khi sử dụng)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	cfu/g	10^5
2	Coliforms	cfu/g	10^5
3	E.coli	mpn/g	10^2
4	S.aureus	cfu/g	10^2
5	Cl. Perfringens	cfu/g	10^2
6	B. cereus	cfu/g	10^3
7	Tổng số nấm men, nấm mốc	cfu/g	10^3

4. Các chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức giới hạn tối đa
1	Độ ẩm vật miến	%	14,0

5. Dao động thành phần dinh dưỡng:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị trên nhãn	Không dao động +/- 20%
1	Giá trị năng lượng (*)	kcal/64 g	239	191 – 287
2	Hàm lượng chất béo	g/64 g	7,7	6,2 – 9,2
3	Hàm lượng carbohydrate	g/64 g	40,9	32,7 – 49,1
4	Hàm lượng chất đạm	g/64 g	1,5	1,2 – 1,8

(*) Giá trị năng lượng = hàm lượng chất béo * 9 + hàm lượng carbohydrate * 4 + hàm lượng chất đạm * 4

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Ty Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 05 năm 2022

ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

KANEDA HIROKI

General Manager, Marketing Division

Mã hồ sơ: BNN/05812/08.22



KANEDA HIROKI
General Manager, Marketing Division

BNN/05812/08.22



KANEDA HIROKI
Giá. Khối Marketing
General Manager, Marketing Dir

BNMISB12/09.22